

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

(Handwritten signatures and names)

Nguyễn Lê Ngô Việt Khoa Nguyễn Lê Ngô Việt Khoa
Nhật Tuyền Nhật Tuyền

Môn học : [22804104] - Mạng truyền thông
công nghiệp (CCQ2215D)
CBGD: Nguyễn Lê Nhật Tuyền (280036)

Số SV có mặt: 14....
Số bài thi:14....
Số tờ giấy thi: 14....

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122150028	Lê Tấn	Bằng	29/09/2004	CCQ2215A		<i>Bằng</i>	6.3	7.0	6.7
2	2122150034	Nguyễn Xuân	Giáp	16/12/2004	CCQ2215A	C ₁	<i>Giáp</i>	7.1	7.5	7.3
3	2122150023	Nguyễn Quốc	Hoài	08/01/2004	CCQ2215A		<i>Quốc</i>	7.0	8.0	7.6
4	2122150036	Nguyễn Khắc Nam	Hoàng	21/03/2004	CCQ2215A		<i>Khắc Nam</i>	5.0	6.0	5.6
5	2122150043	Già Tấn	Huyền	17/06/2004	CCQ2215A		<i>Huyền</i>	8.5	9.3	9.0
6	2122150083	Lê Đức	Lộc	23/11/2004	CCQ2215D					
7	2122150067	Nguyễn Đức	Lộc	23/10/2004	CCQ2215D		<i>Đức</i>	6.0	7.8	7.1
8	2122150004	Phan Văn	Lý	26/06/2004	CCQ2215A		<i>Phan Văn</i>	6.5	7.0	6.8
9	2122150089	Trương Công	Lý	28/09/2004	CCQ2215D		<i>Trương Công</i>	7.0	8.5	7.9
10	2122150093	Nguyễn Văn	Murop	27/08/2004	CCQ2215D					
11	2122150072	Trần Trung	Nguyên	20/07/2004	CCQ2215D		<i>Trần Trung</i>	5.5	7.8	6.9
12	2122150038	Nguyễn Trí	Tài	07/02/2004	CCQ2215B		<i>Tài</i>	6.2	6.8	6.6
13	2122150059	Nguyễn Tấn	Thành	16/05/2004	CCQ2215D		<i>Nguyễn Tấn</i>	5.8	6.0	5.9
14	2122150064	Phan Chí	Thiện	21/11/2004	CCQ2215D		<i>Phan Chí</i>	7.5	7.8	7.7
15	2122150092	Châu Thanh	Trọng	22/08/2004	CCQ2215D		<i>Châu Thanh</i>	9.0	8.8	8.9
16	2122150051	Hồ Đức	Trọng	02/07/2004	CCQ2215D		<i>Hồ Đức</i>	7.2	8.5	8.0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

[Handwritten signatures of exam supervisors and graders]

Môn học : [22804103] - Mạng truyền thông
công nghiệp (CCQ2215C)
CBGD: Nguyễn Lê Nhứt Tuyên (280036)

Số SV có mặt: 15...
Số bài thi: 15...
Số tờ giấy thi: 15...

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122150078	Lương Văn	Bình	24/10/2004	CCQ2215C		Bình	6.2	7.3	6.9
2	2122150002	Trương Thanh	Bình	07/10/2003	CCQ2215A		Bình	6.5	6.5	6.5
3	2122150080	Nguyễn Duy	Cường	21/04/2004	CCQ2215C		Cường	5.7	5.5	5.6
4	2122150026	Hoàng Nguyễn Nhật	Đăng	09/08/2004	CCQ2215A		Đăng	5.5	6.0	5.8
5	2122150068	Ngô Thanh	Diệu	14/08/2004	CCQ2215C		Diệu	6.0	6.3	6.2
6	2122150077	Nguyễn Duy	Đông	15/07/2004	CCQ2215C		Đông	6.0	6.3	6.2
7	2122150052	Trần Minh	Dương	20/04/2004	CCQ2215C		Đo	7.0	7.5	7.3
8	2122150065	Nguyễn Ngọc	Hải	28/12/2004	CCQ2215C		Hải	8.0	9.3	8.8
9	2122150061	Phạm Văn	Hùng	25/08/2004	CCQ2215C		Hùng	5.7	5.5	5.6
10	2122150060	Nguyễn Quang	Huy	07/10/2004	CCQ2215C		Huy	6.2	6.0	6.1
11	2122150044	La Ngọc	Lễ	29/08/2004	CCQ2215C		Lễ	5.8	6.0	5.9
12	2122150058	Đinh Hữu Ngô	Quyền	28/09/2004	CCQ2215D		Quy	9.0	9.5	9.3
13	2122150055	Huỳnh	Thuận	18/09/2004	CCQ2215D		Thuận	8.0	9.0	8.6
14	2122150073	Vũ Trọng	Thuận	28/08/2004	CCQ2215D		Thuận	9.0	9.0	9.0
15	2122150084	Nguyễn Trọng	Tri	21/09/2004	CCQ2215D		Tri	8.0	9.3	8.8